

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN ĐẠT KẾT QUẢ THI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN  
TIẾNG PHÁP BẬC 2 THEO KHUNG NĂNG LỰC 6 BẬC DÀNH CHO VIỆT NAM**

**Khoá thi ngày 14/03/2021**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHPVD ngày tháng năm 2021)*

| TT | Họ và Tên             | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Điểm |      |      |     | ĐTB | Kết quả | Ghi chú |
|----|-----------------------|------------|------------|-----------|---------|------|------|------|-----|-----|---------|---------|
|    |                       |            |            |           |         | Nghe | Đọc  | Viết | Nói |     |         |         |
| 1  | Nguyễn Thị Hoàng Anh  | 03/09/1976 | Bình Định  | Nữ        | Kinh    | 19.0 | 21.0 | 14.0 | 20  | 7.5 | Đạt     |         |
| 2  | Nguyễn Thị Thục Anh   | 20/11/1996 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 20.0 | 21.0 | 14.0 | 18  | 7.5 | Đạt     |         |
| 3  | Nguyễn Thị Thanh Cảnh | 11/11/1979 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 20.0 | 21.0 | 14.0 | 19  | 7.5 | Đạt     |         |
| 4  | Nguyễn Thị Diễm       | 18/03/1991 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 19.0 | 21.0 | 14.0 | 18  | 7.0 | Đạt     |         |
| 5  | Nguyễn Văn Dũng       | 28/02/1975 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 20.0 | 21.0 | 12.0 | 20  | 7.5 | Đạt     |         |
| 6  | Lê Minh Dương         | 02/06/1975 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 18.0 | 20.0 | 14.0 | 20  | 7.0 | Đạt     |         |
| 7  | Nguyễn Thị Dương      | 10/12/1977 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 19.0 | 20.0 | 14.0 | 18  | 7.0 | Đạt     |         |
| 8  | Lê Hồng Hải           | 30/12/1977 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 20.0 | 21.0 | 14.0 | 18  | 7.5 | Đạt     |         |
| 9  | Lê Thị Thanh Hải      | 08/11/1980 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 20.0 | 21.0 | 14.0 | 18  | 7.5 | Đạt     |         |
| 10 | Dương Thị Thu Hiệu    | 10/09/1991 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 19.0 | 21.0 | 14.0 | 18  | 7.0 | Đạt     |         |
| 11 | Trương Thị Thúy Hồng  | 14/12/1975 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 20.0 | 21.0 | 14.0 | 18  | 7.5 | Đạt     |         |
| 12 | Nguyễn Văn Hùng       | 01/12/1967 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 19.0 | 19.0 | 13.0 | 18  | 7.0 | Đạt     |         |
| 13 | Phạm Thị Thúy Kiều    | 28/07/1985 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | 20.0 | 19.0 | 13.5 | 20  | 7.5 | Đạt     |         |
| 14 | Võ Thị Lạc            | 13/06/1977 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 20.0 | 19.0 | 13.5 | 19  | 7.0 | Đạt     |         |
| 15 | Phạm Thị Tuyết Lang   | 20/07/1994 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 19.0 | 18.0 | 13.5 | 19  | 7.0 | Đạt     |         |
| 16 | Huỳnh Thị Mỹ Lệ       | 16/11/1977 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 19.0 | 21.0 | 14.5 | 18  | 7.5 | Đạt     |         |
| 17 | Phạm Thị Mỹ Loan      | 08/08/1975 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 19.0 | 21.0 | 14.0 | 18  | 7.0 | Đạt     |         |
| 18 | Cao Thị Cẩm Ly        | 28/01/1974 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 19.0 | 20.0 | 14.0 | 18  | 7.0 | Đạt     |         |

| TT | Họ và Tên        | Ngày sinh | Nơi sinh   | Giới tính  | Dân tộc | Điểm |      |      |      | ĐTB | Kết quả | Ghi chú |
|----|------------------|-----------|------------|------------|---------|------|------|------|------|-----|---------|---------|
|    |                  |           |            |            |         | Nghe | Đọc  | Viết | Nói  |     |         |         |
| 19 | Lê Thị Nga       | My        | 20/06/1976 | Quảng Ngãi | Nữ      | Kinh | 20.0 | 21.0 | 14.0 | 18  | 7.5     | Đạt     |
| 20 | Nguyễn Hà        | My        | 17/12/1990 | Quảng Ngãi | Nữ      | Kinh | 19.0 | 21.0 | 14.0 | 20  | 7.5     | Đạt     |
| 21 | Nguyễn Thị       | Năm       | 20/04/1979 | Quảng Ngãi | Nữ      | Kinh | 20.0 | 21.0 | 14.0 | 18  | 7.5     | Đạt     |
| 22 | Bùi Thị Ngọc     | Nga       | 06/04/1977 | Ninh Bình  | Nữ      | Kinh | 20.0 | 21.0 | 14.0 | 18  | 7.5     | Đạt     |
| 23 | Nguyễn Thị       | Nghĩa     | 22/09/1989 | Quảng Ngãi | Nữ      | Kinh | 20.0 | 21.0 | 14.0 | 20  | 7.5     | Đạt     |
| 24 | Vũ Xuân Hồng     | Nghĩa     | 19/04/1977 | Quảng Ngãi | Nữ      | Kinh | 20.0 | 21.0 | 14.0 | 22  | 7.5     | Đạt     |
| 25 | Nguyễn Thị Khánh | Ngọc      | 27/08/1995 | Quảng Ngãi | Nữ      | Kinh | 20.0 | 21.0 | 14.0 | 20  | 7.5     | Đạt     |
| 26 | Bùi Văn          | Nhâm      | 07/12/1979 | Quảng Ngãi | Nam     | Kinh | 17.0 | 23.0 | 14.0 | 23  | 7.5     | Đạt     |
| 27 | Phạm Thị         | Nhi       | 08/10/1980 | Quảng Ngãi | Nữ      | Kinh | 17.0 | 23.0 | 14.0 | 16  | 7.0     | Đạt     |
| 28 | Phan Thị Thủy    | Nhuận     | 15/07/1991 | Quảng Ngãi | Nữ      | Kinh | 17.0 | 23.0 | 14.0 | 22  | 7.5     | Đạt     |
| 29 | Lê Võ Quỳnh      | Như       | 08/04/1996 | Quảng Ngãi | Nữ      | Kinh | 17.0 | 23.0 | 14.0 | 18  | 7.0     | Đạt     |
| 30 | Bạch Thị Kim     | Oanh      | 28/09/1977 | Quảng Ngãi | Nữ      | Kinh | 17.0 | 23.0 | 14.0 | 18  | 7.0     | Đạt     |
| 31 | Lâm Thị          | Phú       | 15/04/1994 | Kiên Giang | Nữ      | Kinh | 17.0 | 23.0 | 14.0 | 20  | 7.5     | Đạt     |
| 32 | Lữ Thị           | Phương    | 10/12/1977 | Quảng Ngãi | Nữ      | Kinh | 17.0 | 23.0 | 14.0 | 21  | 7.5     | Đạt     |
| 33 | Nguyễn Thị Mai   | Phương    | 21/02/1979 | Quảng Ngãi | Nữ      | Kinh | 17.0 | 23.0 | 14.0 | 15  | 7.0     | Đạt     |
| 34 | Phạm Thanh       | Quang     | 12/09/1984 | Quảng Ngãi | Nam     | Kinh | 15.0 | 23.0 | 14.0 | 20  | 7.0     | Đạt     |
| 35 | Nguyễn Thị Xuân  | Quỳnh     | 11/12/1996 | Quảng Ngãi | Nữ      | Kinh | 18.0 | 23.0 | 14.0 | 18  | 7.5     | Đạt     |
| 36 | Bùi Thị Xuân     | Sương     | 20/06/1978 | Quảng Ngãi | Nữ      | Kinh | 17.0 | 23.0 | 14.0 | 22  | 7.5     | Đạt     |
| 37 | Trần Thị         | Tài       | 20/04/1997 | Quảng Ngãi | Nữ      | Kinh | 17.0 | 23.0 | 14.0 | 18  | 7.0     | Đạt     |
| 38 | Đặng Thị         | Tám       | 19/01/1974 | Quảng Ngãi | Nữ      | Kinh | 16.0 | 23.0 | 14.0 | 18  | 7.0     | Đạt     |
| 39 | Nguyễn Thị       | Tiền      | 12/10/1988 | Quảng Nam  | Nữ      | Kinh | 17.0 | 23.0 | 14.0 | 18  | 7.0     | Đạt     |
| 40 | Lê Thị Thu       | Thảo      | 04/02/1995 | Quảng Ngãi | Nữ      | Kinh | 16.0 | 23.0 | 14.0 | 18  | 7.0     | Đạt     |
| 41 | Võ Thị Quỳnh     | Thoa      | 22/07/1979 | Quảng Ngãi | Nữ      | Kinh | 17.0 | 20.0 | 14.0 | 18  | 7.0     | Đạt     |
| 42 | Nguyễn Thị Thu   | Thủy      | 03/10/1978 | Quảng Ngãi | Nữ      | Kinh | 17.0 | 21.0 | 14.0 | 23  | 7.5     | Đạt     |
| 43 | Nguyễn Diên Chân | Thuyết    | 05/05/1984 | Quảng Ngãi | Nữ      | Kinh | 17.0 | 23.0 | 20.0 | 20  | 8.0     | Đạt     |

| TT | Họ và Tên               | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Dân tộc | Điểm |      |      |     | ĐTB | Kết quả | Ghi chú |
|----|-------------------------|------------|------------|-----------|---------|------|------|------|-----|-----|---------|---------|
|    |                         |            |            |           |         | Nghe | Đọc  | Viết | Nói |     |         |         |
| 44 | Lê Thị Trang            | 24/11/1995 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 18.0 | 23.0 | 14.0 | 18  | 7.5 | Đạt     |         |
| 45 | Nguyễn Thị Phương Trang | 30/10/1975 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 16.0 | 23.0 | 14.0 | 20  | 7.5 | Đạt     |         |
| 46 | Trương Đình Trí         | 04/06/1980 | Quảng Ngãi | Nam       | Kinh    | 17.0 | 23.0 | 14.0 | 20  | 7.5 | Đạt     |         |
| 47 | Phạm Thị Trinh          | 28/07/1979 | Khánh Hòa  | Nữ        | Kinh    | 17.0 | 22.0 | 14.0 | 20  | 7.5 | Đạt     |         |
| 48 | Nguyễn Thị Tô Uyên      | 22/11/1995 | Quảng Nam  | Nữ        | Kinh    | 16.0 | 23.0 | 14.0 | 18  | 7.0 | Đạt     |         |
| 49 | Vũ Thị Hồng Vân         | 12/02/1975 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 16.0 | 23.0 | 14.0 | 20  | 7.5 | Đạt     |         |
| 50 | Dương Thị Tường Vy      | 24/02/1995 | Quảng Ngãi | Nữ        | Kinh    | 16.0 | 23.0 | 14.0 | 18  | 7.0 | Đạt     |         |

**Danh sách này có: 50 thí sinh.**